

# ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO HƯỚNG TÍCH CỰC HÓA NGƯỜI HỌC

○ ThS. NGUYỄN THÀNH KINH\*

## 1. Vấn đề tích cực hoá người học và quá trình học tập (HT)

Vấn đề tích cực hoá người học và quá trình HT là cách diễn đạt đầy đủ nhất nhiệm vụ tích cực hoá trong dạy học (DH) và giáo dục. Tuy vậy, có thể nói gọn là phát triển, phát huy hay nâng cao tính tích cực (TTC), hoặc hình thành và phát triển hoạt động HT (V.V.Davydov). TTC HT hay hoạt động HT là dạng phân hoá của TTC cá nhân, có vai trò chuyên biệt như một con đường cơ bản và hiệu quả nhất để người học đạt được những mục tiêu trong lĩnh vực HT. Những hình thái chuyên biệt của TTC cá nhân tương ứng với những nhiệm vụ xác định chính là kết quả của sự điều động, phối hợp, động viên, di chuyển và thực hiện những chức năng, khả năng, sức mạnh thuộc về TTC cá nhân để đáp ứng những yêu cầu cụ thể của nhiệm vụ. Người ta thường nói đến TTC trí tuệ, TTC nhận thức, TTC HT, TTC thẩm mỹ, TTC đạo đức, v.v... như là các dạng chuyên biệt hay các dạng phân hoá của TTC cá nhân ở người học. Trong DH, việc phát triển, nâng cao TTC HT hay hoạt động HT là trọng tâm và nội dung chủ yếu của việc tích cực hoá người học và quá trình HT của họ.

## 2. Quan niệm về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH)

Nhìn chung, khi nói đến đổi mới PPDH, người ta thường nói đến việc thay đổi cách thức giảng dạy của GV và cách HT của HS và kèm theo đó là đổi mới những điều kiện khác trong quá trình DH như: phương tiện đồ dùng DH, hình thức tổ chức DH, cách đánh giá kết quả HT của HS,...

Với PPDH cũ, HS thường đóng vai trò thụ động theo cách thầy giảng trò ghi nhớ; GV là người duy nhất có quyền đánh giá kết quả HT của HS. HS ít có cơ hội tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Tiêu chuẩn để đánh giá HS là kết quả ghi nhớ tái hiện những điều GV giảng và GV cũng không cần có sự sáng tạo nhiều, họ chỉ cần truyền đạt

hết kiến thức có trong bài giảng và chủ yếu là theo phương pháp thuyết trình. Mặt khác, trong quá trình giảng dạy GV không buộc phải quan tâm đến từng cá nhân HS - chính vì thế, HS giỏi không phát huy được hết tiềm năng của mình và HS yếu kém không có cơ hội để vươn lên HT tốt hơn.

Khi thực hiện đổi mới PPDH, GV phải thay đổi cách dạy sao cho đạt được mục tiêu của bài học nhưng đồng thời phát huy được tích cực sáng tạo của từng HS. Trong DH, GV phải vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kĩ thuật, biện pháp giúp cho giờ HS động, HS hứng thú HT và kết quả là HS đạt được mục tiêu HT. Trong đổi mới PPDH nhấn mạnh việc thay đổi vai trò của HS từ chỗ thụ động tiếp thu bài học sang chủ động thu nhận và sáng tạo kiến thức, kĩ năng trong HT. Người ta cũng thường dùng thuật ngữ «DH lấy HS làm trung tâm» hay «DH hướng vào người học» để nói về việc thay đổi cách thức giảng dạy của GV, nhấn mạnh rằng đổi mới PPDH thực chất là GV phải tập trung vào việc làm cho HS thích học và tự giác, chủ động trong HT, GV chỉ là người chỉ huy, hướng dẫn cho HS HT. Do đó, trong đổi mới PPDH GV cũng thường nhấn mạnh vào việc làm thế nào để DH hướng vào giúp cho từng HS với tâm lí cá nhân, thói quen, nhu cầu, hứng thú, năng lực trí tuệ riêng biệt để có cách học phù hợp. Do đó, để tích cực hóa HT cần sử dụng biện pháp cá nhân hóa; chương trình giáo dục cần phải phân chia thể nào để phù hợp với từng nhóm HS có năng lực, sở trường khác nhau. Vì vậy, GV có thể sử dụng biện pháp phân hóa, biện pháp tích hợp trong DH. Tất cả các biện pháp đó đều nhằm mục đích là phát huy TTC HT của HS để HS đạt được mục tiêu HT.

Dưới góc độ khái quát có thể rút ra quan niệm về đổi mới PPDH như sau:

\* Sở Giáo dục - Đào tạo Tây Ninh



2.1. *Đổi mới PPDH là đổi mới chiến lược tổ chức quá trình DH* theo định hướng mới của quan điểm chỉ đạo quá trình DH. Theo đó nhiều chiến lược DH khác nhau sẽ được thực thi làm cho quá trình DH trong nhà trường ngày càng sinh động, vai trò của người học ngày càng được đề cao, đó là cấp độ chiến lược của đổi mới PPDH.

2.2. *Đổi mới PPDH còn là đổi mới kỹ thuật thực hiện các PPDH* đang sử dụng trong nhà trường hoặc sử dụng những PPDH chưa từng được sử dụng trong nhà trường. Đây là đổi mới PPDH ở cấp độ phương pháp và kỹ thuật cụ thể.

2.3. *Đổi mới PPDH còn là đổi mới cách thức làm việc của GV và HS*, nhằm đáp ứng các yêu cầu đổi mới mục tiêu DH và giáo dục trong nhà trường.

### 3. Các biện pháp đổi mới PPDH theo hướng tích cực hóa (TCH)

Các biện pháp cụ thể để TCH HT rất phong phú, nhưng nói chung gồm có các biện pháp sau:

3.1. *Phân hóa DH vi mô*, tức là thực hiện cách tiếp cận riêng biệt trên lớp để tăng hiệu quả học nhóm và cá nhân. GV đưa ra yêu cầu riêng cho từng nhóm HS hay cá nhân, để thực tập các bài tập và yêu cầu luyện tập, ôn tập khác nhau, cung cấp những tài liệu bổ trợ, hướng dẫn riêng từng nhóm hay cá nhân, chia lớp thành những trình độ khác nhau để tổ chức những hình thức HT thích hợp.

3.2. *Sử dụng các kỹ thuật tương tác đa phương tiện* theo các yêu cầu trực quan, sinh động, đa dạng, đa chức năng, kích hoạt được quá trình HT. Đa phương tiện có vai trò to lớn huy động những tiềm năng khác nhau của người học trong hoạt động vật chất và hoạt động tâm lí. Vấn đề quan trọng là sử dụng kỹ thuật đa phương tiện để cung cấp thông tin HT và thông tin bổ trợ, TCH các chức năng nhận thức, giao tiếp, tình cảm, ngôn ngữ, hành động thể chất cho người học; đồng thời làm công cụ tổ chức HT, vừa cung cấp công cụ hoạt động cho người học và phương tiện hỗ trợ GV trong giảng dạy.

3.3. *Tổ chức các quan hệ và môi trường HT đa dạng, giàu cảm xúc tích cực*. Đó là đa dạng hóa môi trường HT hay các hình thức tổ chức DH. Mỗi bài học hay chủ đề HT cần được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, tránh nhàm chán, hạn chế sự đơn điệu trong quá trình hoạt động của người học, tạo ra những tình huống nhận thức, giao tiếp, đạo đức... linh hoạt và sinh động

như ở các: giờ lên lớp, giờ học tham quan, giờ học thực hành, nghiên cứu chuyên đề, học độc lập ở nhóm hoặc cá nhân, học tại thực địa, học dưới những hình thức xã hội hóa như liên hoan, lao động công ích, sinh hoạt lớp và trường, lễ hội, câu lạc bộ truyền thống...

3.4. *Sử dụng những phương pháp luận DH thích hợp với người học và mục tiêu, nội dung HT*. Đây là lĩnh vực phong phú nhất của các biện pháp TCH HT. Ngày nay, những phương pháp luận được đánh giá cao về chức năng TCH gồm có: DH phát triển; DH giải quyết vấn đề hay DH vấn đề; DH hợp tác; Phát triển giá trị. Những phương pháp luận này mở ra khả năng xác định và lựa chọn các mô hình kỹ thuật của những PPDH cụ thể, GV cần chọn mô hình thích hợp để làm nòng cốt xây dựng và triển khai những biện pháp TCH. Chẳng hạn, lấy các mô hình thảo luận, động não, tìm tòi thực nghiệm... thì dễ xây dựng các biện pháp TCH và dễ đạt hiệu quả mong muốn hơn là chọn mô hình thông báo - thu nhận, làm mẫu - tái tạo.

3.5. *Tổ chức và khuyến khích các hoạt động thực hành, thực nghiệm, ứng dụng tri thức của HS trong HT và trong đời sống thực tế hàng ngày ở trường, ở nhà, ở mọi nơi*. Biện pháp này có tác dụng củng cố, hoàn thiện kết quả HT không chỉ bằng suy nghĩ, mà bằng việc làm và kiểm nghiệm thực tiễn, do đó nâng cao nhu cầu, động cơ HT, giúp HS trải nghiệm thành công sâu sắc hơn.

3.6. *Huy động và sử dụng kinh nghiệm sống, kinh nghiệm HT của người học trong quá trình HT*. Để có thể hoạt động được, thậm chí để quan sát hay tìm hiểu hoạt động của người khác, cá nhân phải có kinh nghiệm nhất định. Ngược lại, kinh nghiệm là tất cả những gì cá nhân có được nhờ hoạt động thực tiễn của mình, kể cả HT, làm việc, sinh hoạt, giao tiếp, giải trí, quan hệ xã hội, trải nghiệm những tình huống, hoàn cảnh sống khác nhau. Ngay cả khi nói: chia sẻ kinh nghiệm, thì cũng không có nghĩa đơn giản là người này chia cho người kia một chút kinh nghiệm của mình, mà thực chất đó là kết quả của hoạt động giao tiếp, nhận thức, học hỏi, bắt chước, cải biến hay sáng tạo của chủ thể khi mỗi người tiến hành các quan hệ và hoạt động với nhau trong những hoàn cảnh cụ thể. Kinh nghiệm là sản phẩm của giai đoạn phát triển đã qua của cá nhân, cũng là chỉ báo về trình độ phát triển hiện tại của cá nhân, vì vậy,



kinh nghiệm thường trực ở cá nhân trước một nhiệm vụ hay yêu cầu hoạt động nhất định chính là trình độ xuất phát của cá nhân đó. DH cần huy động kinh nghiệm cá nhân theo những hướng xác định, làm cho nó ở trạng thái thường trực và lấy nó làm điểm tựa cho các biện pháp DH cần thiết. Dựa vào kinh nghiệm sẽ dễ dàng tạo dựng được những quan hệ thân thiện, kích thích nhu cầu, gợi ra những liên hệ hữu cơ giữa bài học và cuộc sống cá nhân cũng như cuộc sống xã hội rộng lớn, củng cố ý chí và niềm tin của người học. Kinh nghiệm sống của người học vô cùng phong phú, trong đó quan trọng nhất là kinh nghiệm nhận thức, kinh nghiệm giao tiếp, kinh nghiệm cảm xúc và đánh giá, kinh nghiệm ứng xử và tiến hành các quan hệ, công việc trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Tuy kinh nghiệm của người học là điểm tựa không thể thiếu của mọi biện pháp và phương thức DH, song cần lưu ý đến tính hai mặt của nó. Khi nhiệm vụ hay tình huống DH không thích hợp với kinh nghiệm của người học, hoặc kinh nghiệm đó là sai lầm, thì càng dựa vào kinh nghiệm càng có hại, vì kinh nghiệm lúc này không chỉ không TCH HT mà còn cản trở hoạt động hay làm sai lệch hoạt động của người học. Do đó, cần dựa vào kinh nghiệm phù hợp và đúng của cá nhân để làm điểm xuất phát của các biện pháp TCH. Nó chính là những liên hệ cần thiết giữa tình huống DH khách quan và thể giới tâm lí chủ quan, giữa nội dung HT và cuộc sống thực tế, giữa lí thuyết và thực tiễn, giữa học và hành, giữa nhà trường và xã hội, gia đình, giữa khả năng và hiện thực, và ngược lại.

**3.7. Tổ chức các tình huống DH linh động,** đòi hỏi HS phải thực hiện nhiều quan hệ tương tác, hợp tác, tham gia và chủ động suy nghĩ, hành động, tự kiểm tra, tự đánh giá. Sử dụng trò chơi và những môi trường HT cởi mở khác để nâng cao tính tự giác, tự nguyện HT, giảm nhẹ sự căng thẳng thể chất và tâm lí của người học. Đánh giá người học và kết quả HT khách quan, công bằng, cụ thể, kịp thời, kết hợp với việc tổ chức, khuyến khích người học tự đánh giá quá trình và kết quả HT của mình và đánh giá lẫn nhau. Thu hút, động viên người học hợp tác, tương trợ, quan tâm lẫn nhau trong HT.

Những biện pháp DH được xây dựng và thực hiện thông qua những kĩ thuật và kĩ năng sư phạm, những phương tiện và nguồn lực nhất định.

Nói chung các kĩ thuật và kĩ năng DH rất đa dạng, hiệu quả của chúng phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm và nghệ thuật sư phạm của GV.

\*\*\*

Các biện pháp TCH HT vô cùng phong phú, nhiều hình nhiều vẻ, nhiều cấp độ, song tất cả đều có một bản chất chung. Đó là mọi biện pháp này đều phải dựa vào một trong những nguyên tắc sau, hoặc dựa vào tất cả những nguyên tắc sau:

1) Tương tác - các nguồn lực vật chất và con người không được tĩnh tại, một chiều, thụ động, mà phải thường xuyên ở trạng thái năng động, tương đối tích cực, tác động qua lại với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, làm bộc lộ những tiềm năng, kinh nghiệm, giá trị, sức mạnh thể chất và tâm lí của người học;

2) Tham gia và hợp tác - mọi người học đều ở trong sự phụ thuộc lẫn nhau, có những nỗ lực cá nhân vì mình và cũng vì người khác, lợi cho mình và cũng làm cho người khác có lợi, ai cũng phải học vì một mình không thể hiểu và biết tất cả và ai cũng có cái gì đó để cho người khác học hỏi khi họ cần;

3) Tính vấn đề của DH và các tình huống DH - nếu quá trình và nội dung HT không có ý nghĩa gì với người học, vô ích, trung tính, vô thưởng vô phạt, nhạt nhẽo sẽ không diễn ra hoạt động HT. Trên thực tế và về mặt lí thuyết, các biện pháp TCH HT không thể không dựa vào những nguyên tắc trên, do đó đây chính là bản chất chung của những biện pháp TCH HT hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Allan C. Ornstein. Strategies for effective teaching. New York-London-v.v... Harper & Row Publisher. 1990.
2. Đặng Thành Hưng. "Thiết kế bài học nhằm tích cực hóa học tập". *Tạp chí Giáo dục*, số 107, tháng 2/2005. Tr.13-16.
3. Đặng Thành Hưng. "Thiết kế phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa". *Tạp chí Giáo dục*, số 102, tháng 12/2004. Tr.6-7, 13.
4. Đặng Thành Hưng. "Về tính chất phân hoá trong dạy học phù hợp với nhà trường tiểu học Việt Nam". *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, Số 8/1994, Tr. 16-17.
5. Thái Duy Tuyên. *Một số vấn đề hiện đại giáo dục học*. NXB Giáo dục. H 1998.
6. Trần Bá Hoành. *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*. NXB Đại học sư phạm, H 2007.
7. Weinert F.E. *Sự phát triển nhận thức học tập và giảng dạy*. NXB Giáo dục, H 1998.